Kinh Hoa Nghiêm Đại Phương Quảng Phật tóm lược (Quyển 17)

ISSN: 2734-9195 10:05 13/05/2026

Bộ Luận Kinh Hoa Nghiêm Đại Phương Quảng Phật được giảng giải bởi Hòa thượng Tuyên Hóa, Việt dịch Tỳ Kheo Thích Minh Định, gồm có 25 quyển. Bài viết này là những ý chính, cô đọng nhất của quyển 17.

1. Bồ tát tự tại không chấp chước

Vị đại Bồ Tát tu Bồ Tát đạo, viên mãn lục độ vạn hạnh, tích tập đủ thứ căn lành công đức, khi trụ tam muội tất cả thân chúng sinh khác biệt, đắc được mười thứ tự tại không chấp chước. Những gì là mười? Đó là:

1. Đối với tất cả cõi Phật không chấp chước

2. Đối với tất cả địa phương không chấp chước.

3. Đối với tất cả kiếp số không chấp chước

4. Đối với tất cả chúng sinh không chấp chước

5. Đối với tất cả pháp tướng không chấp chước

6. Đối với tất cả Bồ Tát không chấp chước

7. Đối với tất cả Bồ Tát nguyện không chấp chước

8. Đối với tất cả tam muội không chấp chước

9. Đối với tất cả chư Phật không chấp chước

10. Đối với tất cả địa vị không chấp chước

Đó là mười pháp không chấp chước.

Vì Bồ Tát quét tất cả pháp lìa tất cả tướng, cho nên phá tất cả mọi sự chấp chước. Chúng ta người tu đạo, cũng phải phá tất cả mọi sự chấp chước, phải học tập theo tinh thần của Bồ Tát, vì người chẳng vì mình. Tóm lại, vạn sự đều như

như, thì chẳng có sự chấp chước. Nói cách khác, tốt cũng chẳng chấp chước, xấu cũng chẳng chấp chước, tất cả đều buông bỏ hết. Trong Tâm Kinh có nói: Vì không quái ngại, nên không có sợ hãi, xa lìa điên đảo mộng tưởng, rốt ráo Niết Bàn. Nếu như buông bỏ được tất cả, thì không có quái ngại, đó là chỗ tinh hoa của phật pháp.

Đại Bồ Tát nơi tam muội này, có những cảnh giới như vầy:

Từ trong thân nhập định, từ ngoài thân xuất định. Từ ngoài thân nhập định, từ trong thân xuất định. Từ đồng thân nhập định, từ khác thân xuất định. Từ khác thân nhập định, từ đồng thân xuất định. Từ thân người nhập định, từ thân Dạ Xoa xuất định. Từ thân Dạ Xoa nhập định, từ thân rồng xuất định. Từ thân rồng nhập định, từ thân A tu la xuất định. Từ thân A tu la nhập định, từ thân trời xuất định. Từ thân trời nhập định, từ thân Phạm Vương xuất định. Từ thân Phạm Vương nhập định, từ thân dục giới xuất định. Bồ Tát có thể hoá thân ngàn vạn ức, phân thân vô số lượng. Đó đây không ngại, ta người vô ngại, trong ngoài vô ngại, đồng khác vô ngại, đó tức là cảnh giới thần thông diệu dụng của Bồ Tát. Bồ Tát nhập định hoặc xuất định, không nhất định tại thân mình, tuỳ thời tuỳ lúc đều có thể nhập định, tuỳ thời tuỳ lúc đều có thể xuất định, chẳng thọ sự hạn chế của thời gian và không gian, nhậm vận tự tại, diệu không thể tả. Bồ Tát ở trên trời nhập định, từ địa ngục xuất định. Từ địa ngục nhập định, từ nhân gian xuất định. Từ nhân gian nhập định, từ cõi kia xuất định. Từ ngàn thân nhập định, từ một thân xuất định. Từ một thân nhập định, từ ngàn thân xuất định. Từ Na do tha thân nhập định, từ một thân xuất định. Từ một thân nhập định, từ Na do tha thân xuất định. Bồ Tát vì tuỳ duyên giáo hoá tất cả chúng sinh, tự do nhập định, tự do xuất định. Cảnh giới này, toại tâm như ý. Hoan hỉ thế nào thì như thế đó, một chút cũng không miễn cưỡng, nhậm vận tự tại. Phàm là người thành tâm tu đạo, đều chứng được cảnh giới này. Bồ Tát ở trong chúng thần tất cả biển nhập định, từ trong thuỷ đại tất cả biển xuất định. Trong thuỷ đại tất cả biển nhập định, từ trong địa đại tất cả biển xuất định. Trong địa đại tất cả biển nhập định, từ trong hoả đại tất cả biển xuất định. Trong hoả đại tất cả biển nhập định, từ trong phong đại tất cả biển xuất định. Trong phong đại tất cả biển nhập định, từ trong tất cả bốn thứ đại xuất định. Trong tất cả bốn thứ đại nhập định, từ trong pháp vô sinh xuất định. Trong pháp vô sinh nhập định, từ trong núi Diệu Cao xuất định. Trong núi Diệu Cao nhập định, từ trong núi bảy báu xuất định. Trong núi bảy báu nhập định, từ trong tất cả đất đai đủ thứ cây cỏ lùm rừng hắc sơn khởi. Trong tất cả đất đai đủ thứ cây cỏ lùm rừng hắc sơn nhập định, từ trong tất cả diệu hương hoa báu trang nghiêm xuất định. Trong tất cả diệu hương hoa báu trang nghiêm nhập định, từ trong tất cả chúng sinh thọ sinh của tất cả bốn thiên hạ phương dưới phương trên xuất định.

Đoạn văn này nói về cảnh giới của Bồ Tát, là không nhập mà vẫn tự tại được vậy. Tức cũng là toại tâm như ý, muốn lúc nào nhập định thì lúc đó nhập định. Muốn nơi nào xuất định, thì nơi đó xuất định. Chẳng bị thời gian và không gian hạn chế. Lớn thì như núi Tu Di, nhỏ thì như hạt bụi, tuỳ ý biến hoá, đây là cảnh giới như ý thông của Bồ Tát. Cảnh giới Kinh Hoa Nghiêm là khai mở tâm chúng sinh rộng lớn từng chút từng chút. Từ một đến mười, từ mười đến trăm, từ trăm đến ngàn, từ ngàn đến vạn, từ vạn đến ức, cho đến vô số vô số, vô lượng vô lượng. Chủ yếu làm cho tư tưởng rộng lớn, phải có cảnh giới dọc bao thái hư, ngang khắp pháp giới.

Kinh Hoa Nghiêm nói về thế giới vô lượng, cõi nước vô lượng, chư Phật vô lượng, Bồ Tát vô lượng, tất cả tất cả, đều không có hạn lượng. Cảnh giới đó, chẳng phải người tâm nhỏ lượng nhỏ minh bạch được, hiểu thấu được. Chúng ta điên điên đảo đảo, lấy phải làm quấy, lấy quấy làm phải, chẳng nhận thức được chủ nhân của chính mình. Lấy nhiễm khổ làm vui, bỏ giác hợp trần, nhận giặc làm con, thật là đáng thương! Bồ Tát rất từ bi đối với chúng ta, giống như mẹ hiền dạy con cái. Cha mẹ hy vọng con trai thành rồng, con gái thành phượng, Bồ Tát thì hy vọng chúng sinh thành Phật, hy vọng chúng sinh không điên đảo, không chấp trước, phát tâm bồ đề, tu vô thượng đạo. Song, chúng sinh chẳng nghe lời, vẫn cứ điên đảo, vẫn cứ chấp trước. Như vậy, chẳng phải là cô phụ một phen khổ tâm của Bồ Tát chăng? Chúng ta người tu đạo, phải mau hồi đầu, cải ác hướng thiện, nghe lời dạy của Bồ Tát. Toàn bộ Kinh Hoa Nghiêm Đại Phương Quảng Phật đều nói về đạo lý tu Bồ Tát đạo, độ hoá chúng sinh. Nếu chúng ta như pháp thực hành một câu, một bài kệ, thì công đức vô lượng, thọ không hết.

Ví như Tỳ Kheo, đắc được như ý thông, tức là toại tâm như ý, biến hoá vô cùng. Hoặc dùng một thân mà biến thành nhiều thân, hoặc dùng nhiều thân mà biến thành một thân. Chẳng phải nói thân này chẳng còn mà sinh ra nhiều thân. Cũng chẳng phải nhiều thân chẳng còn, lại làm một thân. Đây là cảnh giới thần thông biến hoá không thể nghĩ bàn. Đại Bồ Tát trụ tam muội này, cũng lại như thế.

Một thân nhập định nhiều thân xuất định, nhiều thân nhập định một thân xuất định. Cảnh giới này chẳng chướng ngại nhau.

2. Ý nghĩa "Tỳ kheo"

Tỳ kheo có ba ý nghĩa:

1. Khất sĩ: Trên khất pháp của chư Phật, để nuôi tuệ mạng; dưới khất thực của chúng sinh, để nuôi dưỡng sắc thân

2. Bố ma: Khi Tỳ Kheo thọ giới cụ túc, đắc giới hoà thượng hỏi: Ông có phải là đại trượng phu không? - Đáp: Là đại trượng phu. - Lại hỏi: Ông có phát bồ đề tâm chăng? - Đáp: Đã phát bồ đề tâm. Lúc đó, ma vương nghe được, bèn sinh sợ hãi. Tại sao? Vì quyến thuộc của ma lại bớt đi một người, còn quyến thuộc của Phật lại thêm một người, cho nên sinh tâm sợ hãi.

3. Phá ác: Tức là phá phiền não ác. Vì Tỳ Kheo có ba ý nghĩa này, nên không dịch. Khi Trung Quốc phiên dịch kinh điển tiếng Phạn, có năm loại không dịch:

1. Bí mật không dịch như Chú ngữ. 2. Tôn trọng không dịch như Bát Nhã, Bồ đề. 3. Thuận cổ không dịch như A nậu đa la tam miệu tam bồ đề. 4. Đa hàm không dịch như Tỳ Kheo. 5. Thử phương vô bất dịch như quả Am ma la.

3. Đại Bồ tát trụ nơi tam muội

Đại Bồ Tát trụ nơi tam muội này, đắc được mười pháp khen ngợi của sự khen ngợi. Những gì là mười? Đó là:

1. Vì vào chân như, nên gọi là Như Lai: Vì Bồ Tát chứng nhập chân như thật tướng lý thể, cho nên gọi là Như Lai

2. Vì giác tất cả pháp, nên gọi là Phật: Vì Bồ Tát giác ngộ thấu rõ tất cả các pháp, cho nên xưng là Phật

3. Vì được tất cả thế gian khen ngợi, nên gọi là pháp sư: Vì Bồ Tát có tâm từ bi, độ khắp chúng sinh, được hết thảy mọi người thế gian khen ngợi, cho nên xưng là Pháp sư

4. Vì biết tất cả pháp, nên gọi là Nhất thiết trí: Vì Bồ Tát biết rõ tất cả Phật pháp, cho nên xưng là Nhất thiết trí

5. Vì là chỗ nương tựa của tất cả thế gian, nên gọi là chỗ nương tựa: Vì Bồ Tát là chỗ nương tựa của tất cả chúng sinh thế gian, cho nên xưng là chỗ nương tựa

6. Vì thấu đạt tất cả pháp phương tiện, nên gọi là Đạo sư: Vì Bồ Tát thấu rõ thông đạt tất cả tất cả pháp phương tiện, cho nên xưng là Đạo sư

7. Vì dẫn dắt tất cả chúng sinh vào đạo Tát bà nhạ, tức Nhất thiết trí, nên gọi là đại Đạo sư: Vì Bồ Tát dẫn dắt tất cả chúng sinh đều vào đạo Tát bà nhạ, tức Nhất thiết trí, cho nên xưng là đại Đạo sư. 8. Vì làm đèn của tất cả thế gian, nên gọi là quang minh: Vì Bồ Tát là đèn quang minh của tất cả thế gian, cho nên xưng là quang minh

9. Vì tâm chí viên mãn, nghĩa lợi thành tựu, những gì cần làm đã làm xong, trụ trí tuệ vô ngại, phân biệt biết rõ tất cả các pháp, nên gọi là Thập lực: Vì tâm chí của Bồ Tát đã viên mãn, nghĩa lợi đã thành tựu, những gì cần làm đã làm xong, chẳng còn thọ thân sau nữa, trụ nơi trí tuệ không có chướng ngại, phân biệt biết rõ được tất cả các pháp, cho nên xưng là Thập lực

10. Vì tự tại thông đạt tất cả pháp luân, nên gọi là bậc Thấy tất cả: Vì Bồ Tát tự tại thông đạt tất cả pháp luân, cho nên xưng là bậc Thấy tất cả

Đó là mười pháp khen ngợi.

Đại Bồ Tát trụ tam muội này, lại đắc được mười thứ quang minh chiếu sáng. Những gì là mười? Đó là:

1. Bồ Tát đắc được quang minh của tất cả chư Phật, vì bình đẳng với chư Phật

2. Bồ Tát đắc được quang minh của tất cả thế giới, vì trang nghiêm thanh tịnh khắp tất cả thế giới

3. Bồ Tát đắc được quang minh của tất cả chúng sinh, vì đều đến điều phục tất cả chúng sinh

4. Bồ Tát đắc được vô lượng vô uý quang minh, vì dùng pháp giới làm đạo tràng diễn nói diệu pháp

5. Bồ Tát đắc được quang minh không phân biệt, vì biết tất cả pháp không có các thứ tự tính

6. Bồ Tát đắc được quang minh phương tiện, vì đối với tất cả pháp lìa khỏi dục tế, mà chứng nhập chân như

7. Bồ Tát đắc được quang minh chân thật, vì nơi tất cả pháp lìa dục tế tâm và pháp là bình đẳng

8. Bồ Tát đắc được quang minh khắp tất cả thế gian thần thông biến hoá, vì được Phật gia trì luôn không ngừng nghỉ

9. Bồ Tát đắc được quang minh khéo tư duy, vì đạt đến được bờ bên kia tự tại của tất cả chư Phật

10. Bồ Tát đắc được quang minh tất cả pháp chân thật, vì trong một hạt cát cũng có thể khéo nói tất cả các pháp

Đó là mười thứ quang minh.

Đại Bồ Tát trụ tam muội này, lại được mười thứ nghiệp vô sở tác, tức cũng là mười thứ thanh tịnh, cũng có thể nói là mười thứ pháp tịch diệt. Những gì là mười? Đó là:

1. Thân nghiệp vô sở tác: Tức là thân thanh tịnh không ô nhiễm

2. Lời nghiệp vô sở tác: Tức là miệng thanh tịnh không nhiễm ô

3. Ý nghiệp vô sở tác: Tức là ý thanh tịnh không nhiễm

4. Thần thông vô sở tác: Thần thông vốn là thanh tịnh, không có sở tác

5. Rõ pháp không tính vô sở tác: Thấu được tất cả pháp chẳng có tự tính, chẳng có sở tác

6. Biết nghiệp chẳng hư hoại vô sở tác: Biết được tất cả nghiệp thiện không hư hoại, chẳng có sở tác

7. Trí vô sai biệt vô sở tác: Trí tuệ chẳng có sự phân biệt, thông đạt được tất cả, đây cũng là vô sở tác

8. Trí không sinh khởi vô sở tác: Trí tuệ chẳng có sinh khởi, mà biết rõ tất cả, đây cũng là vô sở tác

9. Biết pháp không diệt vô sở tác: Vì Bồ Tát biết các pháp không sinh không diệt, cho nên vô sở tác

10. Tuỳ thuận nơi văn chẳng hoại nơi nghĩa vô sở tác: Vì Bồ Tát hay tuỳ thuận nơi câu văn, lại chẳng hoại nơi nghĩa lý, cho nên vô sở tác

Đó là mười thứ nghiệp vô sở tác.

Ví như khi Đế Thích trời Ba Mươi Ba đánh nhau với A tu la, thì chư Thiên thường thắng lợi. Có lúc A tu la chiến thắng, trời Đế Thích không cách nào kháng cự, bèn đến chỗ đức Phật cầu cứu. Đức Phật nói cho ông ta một câu chú, niệm: Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật Đa, dịch ra nghĩa là Đại trí tuệ đến bờ kia. Ma Ha nghĩa là Đại, Bát Nhã là Trí huệ, Ba La Mật Đa là Đến bờ kia. Đế Thích trở về trời Ba Mươi Ba, bèn nói với binh trời tướng trời rằng: Khi các vị gặp binh lính A tu la, thì hãy thành tâm niệm ‘‘Ma Ha Mát Nhã Ba La Mật Đa’’, đây là pháp mà đức Phật ban tặng để đánh lui quân địch. Ngày thứ hai lại đánh với A tu la. Binh trời tướng trời đều niệm câu chú này quả nhiên linh nghiệm, binh lính A tu la thua bỏ chạy. Tại sao? Vì binh trời tướng trời thân đều phóng ra ánh sáng rất mạnh, binh lính A tu la không thể nào mở mắt ra được, cho nên bại trận bỏ chạy. A tu la dịch là Vô đoan chính, vì tướng mạo của người nam rất là xấu xí, ngũ quan chẳng đoan

chính. Song, nữ A tu la rất xinh đẹp, ai thấy cũng đều thương mến. Vợ đẹp của trời Đế Thích là con gái của vua A tu la. Do đó, có thể biết người trời vẫn còn dục tham luyến sắc đẹp. Chư Thiên đến được cõi sắc giới, mới dứt được sắc dục. Người ở cõi sắc giới là hoá sinh, chỉ có diệu sắc thân, chứ chẳng còn nam nữ khác nhau. Vua A tu la thân cao lớn bảy trăm đại do tuần, lại có bốn thứ binh: tượng binh, mã binh, xa binh, bộ binh vây quanh vô số ngàn vạn. Vua A tu la dùng sức huyễn thuật, đem tất cả quân lính cùng nhau chạy trốn trong lỗ ngó sen. Đây là cảnh giới lớn nhỏ vô ngại, tức cũng là cảnh giới trong lớn có thể hiện nhỏ, trong nhỏ có thể dung lớn, dung nạp với nhau không ngại. Đại Bồ Tát cũng lại như thế, vì tu hành căn lành, cho nên thành tựu tất cả huyễn trí địa, tức cũng là trí tuệ thần thông. Huyễn trí tức là Bồ Tát, Bồ Tát tức là huyễn trí. Vì vậy cho nên, có thể ở trong pháp không phân biệt nhập định, từ trong pháp phân biệt xuất định. Ở trong pháp phân biệt nhập định, từ trong pháp không phân biệt xuất định. Đó là thần thông diệu dụng của Bồ Tát tu, đã đạt đến cảnh giới nhậm vận tự tại. Tóm lại, muốn như thế nào thì như thế đó, chẳng có mọi sự chướng ngại. Đó là do trí tuệ biến hoá, chứ chẳng phải do thức biến hoá.

Ví như khi tinh cha huyết mẹ của nam nữ hoà hợp, hoặc có một thân trung ấm thọ sinh. Lúc đó, thức thọ sinh gọi là Ca la lã vị. Từ đó bắt đầu lần lược sống, đầy đủ mười tháng, sinh ra thế gian này, tiếp thọ các sự khổ, nhưng chúng sinh vẫn cứ lấy khổ làm vui. Lược thuật quá trình của đời người là:

Trước hết bắt đầu từ vô minh, vô minh tức là vọng tâm tham ái của nam nữ. Vô minh duyên hành: Hành tức là tính hành vi. Nam nữ yêu nhau kết thành vợ chồng, để nối dõi giống nòi, nên có hành vi này. Hành duyên thức: Thức tức là bào thai, tinh cha huyết mẹ kết tinh thể, tức cũng là nơi ký thác thọ sinh của thân trung ấm. Thức duyên danh sắc: Bào thai ở trong bụng mẹ sinh ra hệ thống thần kinh, là danh, còn sinh ra nhục thể, là sắc. Danh sắc duyên lục nhập: Tất nhiên có trạng thái tâm lý và sinh lý, thì đương nhiên sinh ra sáu căn, tức cũng là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Lục nhập duyên xúc: Xúc là xúc giác, tức cũng là có sự tác dụng của tri giác. Khi đứa bé sinh ra thì da tiếp xúc với không khí, biết cảm giác lạnh nóng. Xúc duyên thọ: Có tiếp xúc thì có cảm thọ, cảm thấy thọ tốt thì đi tranh lấy. Thọ duyên ái: Vì lãnh thọ tất cả tốt đẹp, nên tăng thêm tâm ái. Ái duyên thủ: Có tâm ái rồi, thì tìm hết biện pháp, hết tâm sức để tranh lấy, chiếm làm sở hữu của mình. Thủ duyên hữu: Vì thủ lấy, nên tạo ba nghiệp thân, khẩu, ý. Có nghiệp tạo rồi, bèn có hạt giống thọ sinh. Hữu duyên sinh: Do đó: Khởi hoặc, tạo nghiệp, thọ báo. Vì nhất thời hồ đồ, bèn tạo ra nghiệp thọ sinh, nên có quả báo lai sinh. Sinh duyên lão tử: Lai sinh có thân năm uẩn, thì đương nhiên có sự uy hiếp lão tử. Từ nhỏ lớn lên thành thiếu niên, từ thiếu niên thành thanh niên, từ thanh niên rồi già, do già rồi chết đi – đó là quá trình đời người phải đi qua, bất cứ người nào cũng không tránh khỏi. Đây là

luật nhân quả ba đời tuần hoàn, sinh sinh tử tử, tử tử sinh sinh, từ vô thuỷ kiếp đến nay, vĩnh viễn không dứt được gốc, đó là vòng mười hai nhân duyên sinh mạng. Người tu đạo tức là dứt sinh tử, không thọ khổ luân hồi. Làm thể nào để dứt sinh tử? Chỉ có một phương pháp, tức là niệm Nam Mô A Di Đà Phật, niệm đến lúc nhất tâm bất loạn, thì có thể đoạn nghiệp vãng sinh về thế giới Cực Lạc, hoa nở thấy Phật. Ở đó hoa sen hoá sinh, chẳng có con nít, chỉ hiện thân thể chín phẩm thành người. Ngoài ra còn có một phương pháp chấm dứt sinh tử đó là tham thiền. Tham đến cảnh giới tứ thiền, chẳng biết đủ mà dừng lại, đó vẫn là cảnh giới của phàm phu. Phải tiếp tục dụng công phu tiến về trước, trải qua trời Ngũ Bất Hoàn, lúc đó vượt qua trời Tứ Không, mà ra khỏi tam giới, sẽ dứt được phần đoạn sinh tử.

Bây giờ đưa ra một vấn đề, để mọi người cùng nhau nghiên cứu: Tại sao người nam thương người nữ? Người nữ thương người nam?

Có người nói: Đây là thiên tính! Khổng Tử đã từng nói: ‘’Tính tham sắc vậy’’, đây là tham dục của con người. Bởi nhân duyên này, cho nên chúng sinh do sắc dục mà sinh, do sắc dục mà chết. Ai phá được ải sắc dục, đoạn dục khử ái, thì không bị mười hai nhân duyên ràng buộc, sẽ được giải thoát. Con người sinh ra thế giới này, đều là có nhân duyên. Có người có duyên lành đến làm cha con, hoặc mẹ con. Có người có báo oán đến làm cha con, hoặc mẹ con. Cho nên, có những con cái đến trả nợ, cũng có những con cái đến đòi nợ.

Đại Bồ Tát này đến được cảnh giới mười thứ thần thông bờ kia. Bờ kia tức là Ba la mật. Những gì là mười? Đó là:

1. Thần thông bờ kia đến được chư Phật tận hư không khắp pháp giới

2. Thần thông bờ kia đến được Bồ Tát tự tại rốt ráo không khác biệt

3. Thần thông bờ kia đến được hay phát khởi Bồ Tát hạnh nguyện rộng lớn, vào môn của Như Lai, làm đủ thứ Phật sự

4. Thần thông bờ kia đến được hay chấn động tất cả thế giới, tất cả cảnh giới đều khiến cho thanh tịnh

5. Thần thông bờ kia đến được hay tự tại biết nghiệp quả không nghĩ bàn của tất cả chúng sinh, đều như huyễn như hoá

6. Thần thông bờ kia đến được hay tự tại biết tất cả tam muội thô tế nhập xuất tướng khác biệt

7. Thần thông bờ kia đến được hay dũng mãnh vào cảnh giới của Như Lai, mà ở trong đó phát sinh đại nguyện

8. Thần thông bờ kia đến được hay hoá làm tướng Phật, hoá làm chuyển pháp luân, điều phục chúng sinh, khiến cho sinh giống tính Phật, khiến cho vào diệu pháp của Phật thừa, sớm được thành tựu

9. Thần thông bờ kia đến được hay biết rõ bất khả thuyết tất cả bí mật câu văn, mà chuyển đại pháp luân, khiến cho trăm ngàn ức Na do tha bất khả thuyết bất khả pháp môn đều được thanh tịnh

10. Thần thông bờ kia đến được chẳng giả mượn ngày đêm năm tháng kiếp số, trong một niệm, hoàn toàn đều có thể thị hiện ba đời. Đó là cảnh giới mười thứ thần thông bờ kia.

Tại sao ở trước nói đủ thứ pháp? Vì Phật khiến cho tất cả Bồ Tát tu hành vô thượng bồ đề của Như Lai. Khiến cho tất cả Bồ Tát đắc được âm thanh thanh tịnh của Như Lai. Khai thị bánh xe pháp bất thối của Như Lai. Hiển bày vô biên chúng hội của Như Lai. Khiến vào vô biên bí mật của Như Lai. Tán thán tất cả căn lành của Như Lai. Khiến vào pháp môn bình đẳng của Như Lai. Tuyên nói giống tính ba đời của Như Lai. Thị hiện vô lượng sắc tướng của Như Lai. Xiển dương pháp môn hộ niệm của Như Lai. Diễn xướng pháp âm vi diệu của Như Lai. Biện minh tất cả thế giới của chư Phật. Tuyên dương tất cả tam muội của chư Phật. Thị hiện chúng hội thứ tự của chư Phật. Hộ trì pháp môn không nghĩ bàn của chư Phật. Nói tất cả pháp giống như huyễn hoá. Thấu rõ tự tính của các pháp là tịch tĩnh, không có lúc nào động chuyển. Khai thị tất cả pháp luân vô thượng. Khen ngợi vô lượng công đức của Như Lai. Khiến vào tất cả các mây tam muội. Khiến biết tâm như huyễn như hoá, chẳng chân thật, là vô biên vô tận.



Ảnh minh họa (sưu tầm)

Đại Bồ Tát đắc được lợi ích mười thứ biển sâu rộng như vậy rồi, lại được mười thứ lợi ích thù thắng siêu tuyệt. Những gì là mười? Đó là:

1. Bồ Tát ở trong tất cả chúng sinh là đệ nhất không có ai bằng

2. Bồ Tát thù thắng nhất lại đặc biệt ở trong tất cả chư Thiên

3. Bồ Tát tự tại nhất ở trong tất cả Phạm Vương

4. Bồ Tát không nhiễm ô, cũng không chấp trước trong tất cả thế gian

5. Quang minh của tất cả thế gian không cách chi che khuất được quang minh của Bồ Tát

6. Tất cả các ma không mê hoặc nhiễu loạn được tâm thanh tịnh của Bồ Tát

7. Tuy Bồ Tát vì độ sinh, mà vào khắp các cõi thọ sinh, nhưng không có sự quái ngại

8. Khi Bồ Tát nơi nơi thọ sinh, biết tất cả đều không vững bền, nên không tham luyến

9. Bồ Tát đối với tất cả Phật pháp, đều được nhậm vận tự tại

10. Bồ Tát đắc được tất cả thần thông, đều có thể thị hiện trước tất cả chúng sinh

Đại Bồ Tát đắc được mười thứ thù thắng siêu tuyệt như vậy rồi, lại đắc được mười thứ sức lực không thể nghĩ bàn. Ở trong cõi chúng sinh, tu tập tất cả các

hạnh, đến được bất thối chuyển. Những gì là mười?

1. Lực dũng kiện: Vì hay điều phục chúng sinh thế gian cang cường

2. Lực tinh tấn: Vì ngày đêm tinh tấn, luôn không thối chuyển

3. Lực không chấp trước: Vì hay lìa khỏi tất cả ô uế, mà không nhiễm trước

4. Lực tịch tĩnh: Vì thường ở trong định, đối với tất cả các pháp, không sinh hoài nghi, không khởi tranh luận

5. Lực nghịch thuận: Vì bất cứ nghịch cảnh, hoặc thuận cảnh, đối với tất cả pháp trong tâm tự tại

6. Lực pháp tính: Vì ở trong tất cả nghĩa lý, nhậm vận tự tại, cho nên không có chướng ngại

7. Lực vô ngại: Vì trí tuệ rộng lớn, cho nên viên dung vô ngại

8. Lực vô uý: Vì khéo thuyết pháp, cho nên không có sợ hãi

9. Lực biện tài: Vì thọ trì tất cả các pháp, cho nên có đại biện tài

10. Lực khai thị. Vì trí tuệ vô biên, cho nên giáo hoá chúng sinh phát tâm bồ đề, học vô thượng đạo.

Mười thứ lực này là nói vắn tắt, bên trong đó chứa đầy đủ ba mươi tám thứ lực. Tức là: 1. Lực rộng lớn. 2. Lực tối thắng. 3. Lực không thể hàng phục. 4. Lực vô lượng. 5. Lực khéo tập. 6. Lực bất động. 7. Lực kiên cố. 8. Lực trí tuệ. 9. Lực thành tựu. 10. Lực thắng định. 11. Lực thanh tịnh. 12. Lực rất thanh tịnh. 13. Lực pháp thân. 14. Lực pháp quang minh. 15. Lực pháp đăng. 16. Lực pháp môn. 17. Lực không thể hoại. 18. Lực rất dũng mãnh. 19. Lực đại trượng phu. 20. Lực trượng phu khéo tu tập. 21. Lực thành Chính Giác. 22. Lực quá khứ tích tập căn lành. 23. Lực an trụ vô lượng căn lành. 24. Lực trụ Như Lai lực. 25. Lực tâm tư duy. 26. Lực tăng trưởng Bồ Tát hoan hỉ. 27. Lực sinh ra Bồ Tát tịnh tín. 28. Lực tăng trưởng Bồ Tát dũng mãnh. 29. Lực bồ đề tâm sinh ra. 30. Lực Bồ Tát thanh tịnh thâm tâm. 31. Lực Bồ Tát thù thắng thâm tâm. 32. Lực huân tập căn lành của Bồ Tát. 33. Lực các pháp rốt ráo. 34. Lực thân không chướng ngại. 35. Lực vào pháp môn phương tiện khéo léo. 36. Lực diệu pháp thanh tịnh. 37. Lực an trụ đại thế tất cả thế gian không thể khuynh động. 38. Lực tất cả chúng sinh không thể che lấp.

Tuy đại Bồ Tát đều trụ ở trong định, một niệm có thể nhập, một niệm có thể xuất. Nhập định xuất định, nhậm vận tự tại, nhưng cũng chẳng bỏ thời gian lâu

dài ở trong định, cũng chẳng chấp trước nơi định. Nhập xuất đều ở trong cảnh giới như như bất động, liễu liễu thường minh. Tuy Bồ Tát ở trong cảnh giới, cũng không nương tựa cảnh giới, cũng không chấp trụ cảnh giới, nhưng cũng không xả bỏ tất cả sở duyên tiếp cận. Tuy Bồ Tát có thể nhập định trong thời gian rất ngắn, nhưng vì lợi ích tất cả chúng sinh, mà thị hiện thần thông của chư Phật, không có khi nào nhàm mỏi. Tuy Bồ Tát đồng vào pháp giới, nhưng không được bờ mé pháp giới. Tuy Bồ Tát vô sở trụ, không có xứ sở, nhưng luôn nhập vào đạo Nhất thiết trí. Dùng sức biến hoá, khắp vào vô lượng đại chúng trong chúng sinh, đầy đủ trang nghiêm tất cả thế giới. Tuy Bồ Tát lìa khỏi tất cả phân biệt điên đảo của thế gian, vượt qua được tất cả địa phân biệt, nhưng Bồ Tát tức thế gian, lìa thế gian, không xả bỏ đủ thứ các tướng, tức cũng là tuy vượt xuất thế gian, nhưng không lìa khỏi tất cả tướng của thế gian. Tuy Bồ Tát đầy đủ pháp môn phương tiện khéo léo, nhưng rốt ráo là diệu pháp thanh tịnh. Tuy Bồ Tát không phân biệt các địa của Bồ Tát, nhưng đều đã khéo vào tất cả các địa, đạt được địa vị Đẳng giác, địa vị cao nhất của Bồ Tát.

Ví như hư không, tuy dung chứa tất cả sự vật, mà lìa nghĩ tưởng có, không. Đại Bồ Tát cũng lại như thế, tuy Bồ Tát khắp đi đến tất cả thế gian, giáo hoá tất cả chúng sinh, nhưng lìa tưởng thế gian, hành sở vô sự, không chấp tất cả tướng. Tuy Bồ Tát siêng độ tất cả chúng sinh, nhưng lìa tưởng chúng sinh. Trong Kinh Kim Cang có nói: Ta phải diệt độ tất cả chúng sinh, Diệt độ tất cả chúng sinh rồi, Mà không có một chúng sinh thật diệt độ.

Đây là lìa tưởng chúng sinh. Tuy Bồ Tát biết sâu tất cả các pháp, nhưng lìa tưởng các pháp, nghĩa là không chấp nơi pháp, không chấp về tưởng. Tuy Bồ Tát thích thấy tất cả mười phương chư Phật ba đời, nhưng lìa tưởng chư Phật. Tuy Bồ Tát khéo nhập đủ thứ tam muội, nhưng biết tự tính của tất cả các pháp đều không chỗ có, không chấp trước, đã đạt đến cảnh giới chẳng chấp trước, không nhiễm trước. Tuy Bồ Tát dùng vô biên biện tài, diễn nói vô tận câu pháp, nhưng tâm luôn trụ nơi pháp lìa văn tự. Do đó:

Lìa tướng lời nói, Lìa tướng văn tự, Lìa tướng duyên tâm

Tuy Bồ Tát hoan hỉ quán sát nói pháp không lời, tức cũng là pháp vắng lặng, nhưng luôn thị hiện âm thanh thanh tịnh, vì chúng sinh diễn nói diệu pháp. Tuy Bồ Tát trụ tất cả pháp tế lìa lời nói, nhưng luôn thị hiện đủ thứ sắc tướng, tức cũng là ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp trang nghiêm thân. Tuy Bồ Tát giáo hoá tất cả chúng sinh, nhưng biết tất cả pháp rốt ráo tính không. Tuy Bồ Tát siêng tu đại bi tâm, độ thoát tất cả chúng sinh, nhưng biết cõi chúng sinh vô tận vô số, chúng sinh tuy nhiên độ không hết, nhưng vẫn phải độ. Tuy Bồ Tát thấu đạt pháp giới thường trụ không thay đổi, nhưng dùng ba luân thân, miệng,

ý để điều phục chúng sinh cang cường, luôn không nghỉ ngơi. Tuy Bồ Tát thường an trụ quả vị chỗ trụ của Như Lai, nhưng trí tuệ thanh tịnh, tâm không sợ hãi, phân biệt diễn nói được đủ thứ diệu pháp, chuyển được bánh xe pháp vô thượng, thường không nghỉ ngơi.

4. Bồ tát Phổ Hiền và nguyện lực các vị Đại Bồ tát

Nơi Bồ Tát Phổ Hiền, nguyện lực rộng lớn, tâm rộng lớn, tu hành rộng lớn, thú hướng rộng lớn, sở nhập rộng lớn, quang minh rộng lớn, xuất hiện rộng lớn, hộ niệm rộng lớn, biến hoá rộng lớn, đạo rộng lớn, cũng không dứt hẳn, cũng không thối lùi, cũng không nghỉ ngơi, cũng không biến đổi, không mệt mỏi, không xả bỏ, không tán mất, không mê loạn, thường tinh tấn hướng về trước, siêng tu đạo của Bồ Tát tu, thường liên tục không dứt, không nghỉ ngơi. Đây là nguyên nhân gì? Vì vị đại Bồ Tát này đối với tâm bồ đề, luôn luôn tăng tiến, liên tục không ngừng. Cho nên, ở trong tất cả các pháp, thành tựu nguyện lớn đã phát ra, phát tâm bồ đề đại thừa, vào biển đại phương tiện Phật pháp, dùng nguyện lực thù thắng, đối với hạnh môn của tất cả Bồ Tát tu hành, dùng trí tuệ để chiếu sáng, đều được pháp phương tiện khéo léo. Đầy đủ hết thảy thần thông biến hoá của tất cả Bồ Tát, khéo hộ niệm tất cả chúng sinh, như tất cả chư Phật ba đời quá khứ vị lai hiện tại hộ niệm. Đối với hết thảy tất cả chúng sinh, luôn sinh tâm đại bi, thành tựu pháp không biến đổi, tuỳ duyên không đổi, không đổi tuỳ duyên của chư Phật.

Ví như có người, dùng châu báu ma ni, để vào trong y phục màu sắc. Ánh sáng châu báu ma ni đó, tuy đồng với màu sắc y phục, nhưng tự tính của châu báu vẫn tồn tại, chẳng bỏ đi. Đại Bồ Tát cũng lại như thế, thành tựu đại trí đại tuệ dùng làm tâm báu. Dùng diệu quán sát trí để quán sát nhất thiết trí, đều hiện rõ khắp, mà không bỏ các hạnh của Bồ Tát tu. Đây là nguyên nhân gì? Vì đại Bồ Tát phát đại bốn hoằng thệ nguyện:

Chúng sinh vô biên thệ nguyện độ
Phiền não vô tận thệ nguyện đoạn
Pháp môn vô lượng thệ nguyện học
Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành

Nguyện lợi ích tất cả chúng sinh, độ thoát tất cả chúng sinh. Thừa sự mười phương ba đời tất cả chư Phật, trang nghiêm thanh tịnh tất cả thế giới. An ổn chúng sinh, khiến cho họ vào sâu biển pháp tính của tất cả chư Phật. Vì thanh tịnh cõi chúng sinh, mà thị hiện cảnh giới đại tự tại vô ngại. Thường hành bố thí cho chúng sinh, khiến cho họ được pháp ích. Dùng trí tuệ quang minh để chiếu khắp tất cả thế gian, khiến cho đen tối thành ánh sáng. Khiến cho tất cả chúng

sinh, đều đắc được đại trí tuệ. Bồ Tát biết tất cả đều như huyễn, như hoá, cho nên chẳng chấp trước vào bất cứ sự việc gì. Hay vào vô biên pháp môn huyễn hoá, chẳng thối chuyển, chẳng mỏi nhàm, quán triệt thuỷ chung, hành Bồ Tát đạo, cứu chúng sinh thoát khỏi biển khổ.

Ví như hư không, hay chi trì hết thảy thế giới, hoặc thế giới thành, hoặc thế giới trụ, hoặc thế giới hoại, hoặc thế giới không. Trong tự tính của hư không chẳng có nhàm chán, chẳng có mỏi mệt; không có gầy ốm, không có hư mục, không tan mất, không phá hoại; không biến đổi, không có hai dạng. Bất cứ trong tình huống nào, hư không chẳng có tâm phân biệt, cũng chẳng có bỏ lìa tự tính. Tại sao? Vì tự tính hư không là như vậy. Đại Bồ Tát cũng lại như thế, phát ra vô lượng đại nguyện, độ thoát tất cả chúng sinh, đó là bổn phận của Bồ Tát, độ thoát chúng sinh làm sự nghiệp. Tuy độ chúng sinh, mà không chấp trước độ chúng sinh, vì hành sở vô sự, cho nên tâm không nhàm mỏi.

Vị đại Bồ Tát này, Ngài có một đoá hoa sen lớn. Hoa sen đó đặc biệt rộng lớn, thể tích của nó tận cùng bờ mé mười phương. Dùng bất khả thuyết lá, và bất khả thuyết báu, cùng với bất khả thuyết hương, để trang nghiêm hoa sen lớn đó. Trong bất khả thuyết báu đó, mỗi thứ lại thị hiện đủ thứ các báu, thanh tịnh không nhiễm, tốt đẹp trang nghiêm, rất khéo an trụ. Hoa sen đó thường phóng ra các màu sắc quang minh, chiếu khắp mười phương tất cả thế giới, không có mọi sự chướng ngại. Dùng vàng thật làm lưới báu, giăng che phía trên hoa sen lớn đó. Phía trên hoa sen báu đó, lại có vô lượng linh báu lay động nhẹ nhàng, vang ra âm thanh vi diệu rất êm tai, khiến cho tất cả chúng sinh nghe được âm thanh này, tâm rất hoan hỉ, quên mất phiền não, quên luôn sự đói khát. Tại sao? Vì tinh thần tập trung lắng nghe âm thanh hay, cho nên mới có cảnh giới đó. Trong âm thanh đó, diễn xướng pháp nhất thiết trí, khiến cho người nghe phát tâm bồ đề, hành Bồ Tát đạo, khai mở đại trí tuệ.

Đoá hoa sen lớn đó, đầy đủ sự thanh tịnh trang nghiêm của chư Phật. Đó là do tất cả căn lành sinh ra, tiêu biểu bên ngoài để quán, hoa sen đó cát tường dị thường, đó là thần lực của Bồ Tát hiện ra, cũng nhờ mười phương chư Phật gia bị sở hiện. Đoá hoa sen lớn đó, có mười ngàn A tăng kỳ công đức thanh tịnh thành tựu, cũng là sự tu hành lục độ vạn hạnh của Bồ Tát thành tựu. Đó là từ tâm nhất thiết trí chảy ra. Hình bóng của mười phương chư Phật, đều hiển hiện ra trong hoa sen. Tất cả chúng sinh thế gian chiêm ngưỡng đoá hoa sen lớn đó, giống như bảo tháp của Phật. Hết thảy chúng sinh, phàm thấy được đoá hoa sen đó, thảy đều cung kính lễ bái. Đoá hoa sen đó là từ chỗ thấu rõ chính pháp huyễn sinh ra, tất cả lời lẽ và văn tự thế gian không cách chi hình dung, không thể nào ví dụ được. Người có duyên, mới nghe được Phật pháp, mà sinh tín tâm. Người không có duyên, nghe pháp cũng không sinh tâm tin, chẳng gần gũi thiện

tri thức. Do đó: Nước mưa tuy nhiều, Nhưng không thấm nhuần cây không rễ, Cửa Phật tuy rộng, Nhưng khó độ người vô duyên.

Người có căn lành, mới có cơ hội nghe được Phật pháp; người chẳng có căn lành, không thể nghe được Phật pháp. Chúng ta đều là người có căn lành, vì kiếp trước đã tu căn lành, cho nên đời này nghe được chính pháp. Hiện tại phải thương tiếc căn lành, phải tài bồi căn lành, khiến cho nó sinh rễ, khiến cho nó nở hoa, khiến cho nó kết quả. Cũng có nghĩa là khiến cho căn lành của mình tăng trưởng, khiến cho căn lành của mình thành thục. Khi căn lành thành thục thì liền được giải thoát. Đại Bồ Tát ngồi kiết già trên hoa sen báu lớn đó, thân Ngài lớn nhỏ, rất tương xứng với hoa sen. Tóm lại, hoa sen lớn bao nhiêu, thì thân Bồ Tát lớn bấy nhiêu, đó là biểu thị tự nội mà quán, lượng chu sa giới; tự ngoại mà quán, hộ chúng quán xem. Cho nên, cảnh giới tức nhỏ tức lớn. Ngồi kiết già còn gọi là ngồi kim cang, còn gọi là ngồi hoa sen, còn gọi là ngồi tu di, tuy nhiên danh từ khác nhau, nhưng tư thế đều giống nhau, tác dụng như nhau. Pháp ngồi này, sinh ra tất cả chính định, sinh ra tất cả chính thọ. Từ trong sự ngồi kiết già này, sinh ra trăm ngàn vạn ức môn tam muội. Tại sao gọi là ngồi kim cang? Vì tư thế ngồi này rất là kiên cố, hay hàng phục thiên ma, chế các ngoại đạo. Dùng định thắng động, dùng định thắng loạn, vì định lực này, vượt qua tất cả pháp thuật của ma vương, còn gọi là ngồi hàng ma. Nếu ngồi được kiết già, thì sẽ có cảnh giới như như bất động, rõ ràng sáng suốt. Tự nhiên sinh ra đại định Lăng Nghiêm, vì định lực này từ trong tâm kim cang sinh ra, nên gọi là ngồi kim cang. Tại sao gọi là ngồi hoa sen? Vì tư thế ngồi giống như hoa sen. Lại vì thường ngồi trên hoa sen, biểu thị thân nhẹ mà có định lực. Lại có ý nghĩa thủ hoa sen tạng thế giới, nên gọi là ngồi hoa sen, còn gọi là ngồi cát tường. Tại sao gọi là ngồi tu di? Vì tư thế ngồi này, giống như núi Tu Di, an ổn bất động, lớn mà không ngoài, nhỏ mà chẳng trong. Tận hư không khắp pháp giới, đầy dẫy quang minh, nên gọi là ngồi tu di.

Vị đại Bồ Tát dùng đủ thứ căn lành, thành tựu hạnh của tất cả Bồ Tát tu và đại nguyện thù thắng như đã nói ở trước, Ngài thành tựu đại nguyện và đại hạnh: Là đại pháp sư của tất cả thế gian. Là mặt trời pháp của tất cả thế gian. Là mặt trăng trí tuệ của tất cả thế gian, cũng là mặt trăng mát mẻ. Là núi chúa Tu Di của tất cả thế gian, vì cao lớn vời vợi, hơn hẳn tất cả các núi khác, kiên cố bất động. Là biển trí không bờ bến của tất cả thế gian. Là đèn sáng chính pháp của tất cả thế gian, chiếu khắp mười phương vô biên thế giới, liên tục không gián đoạn. Vì tất cả chúng sinh khai thị vô biên công đức thanh tịnh, khiến cho tất cả chúng sinh an trụ nơi tất cả công đức căn lành. Tuỳ thuận nhất thiết trí tuệ, tất cả đại nguyện đều bình đẳng. Tu tập hạnh Bồ Tát Phổ Hiền rộng lớn. Thường khuyến phát vô lượng chúng sinh, trụ bất khả thuyết bất khả thuyết tam muội đại hạnh Bồ Tát Phổ Hiền rộng lớn, thị hiện thần thông biến hoá đại tự tại. Tâm

của Ngài thường trụ ở trong mười đại pháp tạng. Những gì là mười đại pháp tạng?

Đó là:

1. Thường trụ nghĩ nhớ danh hiệu của tất cả mười phương chư Phật

2. Thường trụ nghĩ nhớ pháp của tất cả mười phương chư Phật

3. Thường trụ tâm đại bi, để điều phục tất cả chúng sinh, khiến cho chúng sinh thành tựu Vô Thượng Chính Đẳng Chính Giác

4. Thường trụ trí tuệ thị hiện cõi nước thanh tịnh không thể nghĩ bàn

5. Thường trụ quyết định vào sâu cảnh giới của tất cả chư Phật

6. Thường trụ tướng bồ đề bình đẳng của tất cả chư Phật đời quá khứ, đời vị lai, đời hiện tại

7. Thường trụ nơi bờ mé không chướng ngại, không chấp trước

8. Thường trụ nơi tất cả pháp vô tính, vô tướng

9. Thường trụ nơi căn lành bình đẳng của tất cả chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại

10. Thường trụ nơi trí tiên đạo thân miệng ý, pháp giới không khác biệt của tất cả chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại

Hoàn toàn vào sát na tế, quán sát tất cả chư Phật ba đời, thọ sinh, xuất gia, đến đạo tràng, thành Chính Giác, chuyển pháp luân, vào Niết Bàn.

Đại Bồ Tát nhờ trụ vào tam muội, mà đắc được mười thứ cảnh giới. Những gì là mười?

1. Đắc được hết thảy trí tuệ rộng lớn của tất cả chư Phật

2. Đắc được phương tiện khéo léo, biện tài vô ngại nhậm vận tự tại, để nói tất cả Phật pháp rộng lớn

3. Đắc được pháp vô uý thanh tịnh thù thắng nhất trong tất cả thế gian

4. Đắc được trí tuệ vào tất cả tam muội

5. Đắc được pháp môn có đủ phương tiện khéo léo của tất cả Bồ Tát

6. Đắc được môn quang minh của tất cả các pháp

7. Đến được bờ bên kia an ổn tất cả thế gian pháp

8. Biết tất cả chúng sinh thời, phi thời

9. Chiếu mười phương thế giới tất cả mọi nơi, khiến cho tất cả chúng sinh được trí tuệ thù thắng

10. Làm vô thượng sư của tất cả thế gian, an trụ nơi tất cả các công đức, khai thị cho tất cả chúng sinh đắc được tam muội thanh tịnh, khiến cho họ vào trí tuệ tối thượng. Tại sao? Vì Đại bồ tát hay lợi ích tất cả chúng sinh. Hay tăng trưởng đại bi. Hay gần gũi thiện tri thức. Hay thấy được tất cả chư Phật. Hay thấu rõ tất cả Phật pháp. Hay đến được tất cả cõi nước chư Phật. Hay vào tất cả địa phương. Hay vào tất cả thế gian. Hay ngộ tính bình đẳng của tất cả pháp. Hay biết tính bình đẳng của tất cả chư Phật, thì trụ nhất thiết trí tính bình đẳng.

Giống như kim cang, ví nó kiên cố, không dễ gì phá hoại, cho nên được tên là kim cang, trọn không khi nào phá hoại được. Đại Bồ Tát cũng lại như thế, vì tu lục độ vạn hạnh, mà được tên là Bồ Tát, trọn không khi nào lìa khỏi lục độ vạn hạnh. Giống như vàng thật, nhờ màu sắc đẹp của nó mà khiến cho mọi người ưa thích, cho nên được tên là vàng thật, trọn không khi nào lìa khỏi màu sắc đẹp. Đại Bồ Tát cũng lại như thế, vì làm tất cả nghiệp lành, để lợi ích tất cả chúng sinh, cho nên được tên là Bồ Tát, trọn không khi nào lìa khỏi tất cả nghiệp lành.

Giống như mặt trời, nhờ có ánh sáng chiếu khắp thế gian, khiến cho tất cả đều được lợi ích, cho nên gọi là mặt trời, trọn không khi nào lìa khỏi ánh sáng. Đại Bồ Tát cũng lại như thế, vì có trí tuệ quang minh, cho nên được tên Bồ Tát, trọn không khi nào lìa khỏi trí tuệ quang minh. Giống như đại địa, nhờ giữ gìn tất cả vạn vật, mà được tên là đại địa, trọn không khi nào lìa khỏi năng giữ. Đại Bồ Tát cũng lại như thế, nhờ độ thoát tất cả chúng sinh, cho nên được tên là Bồ Tát, trọn không khi nào lìa khỏi tâm đại bi.

Giống như biển cả, vì nó dung chứa tất cả các dòng nước, cho nên được tên là biển cả, trọn không khi nào lìa khỏi nước. Đại Bồ Tát cũng lại như thế, nhờ tất cả các đại nguyện cứu chúng sinh thọ khổ, cho nên được tên Bồ Tát, trọn không khi nào tạm lìa khỏi nguyện độ chúng sinh. Giống như hạt giống gieo trồng xuống đất, cho đến làm cho nảy mầm, sinh rễ, ra cành lá lớn lên, nở hoa, kết trái, lớn lên dần dần mà thành thục. Đại Bồ Tát cũng lại như thế, tu hạnh của Bồ Tát Phổ Hiền tu, cho đến hay khiến cho tất cả chúng sinh, ngày càng tăng trưởng hết thảy pháp lành.

Giống như mây lớn, tháng mùa hè nóng nực, thường đổ mưa lớn xuống, cho đến tăng trưởng tất cả hạt giống. Đại Bồ Tát cũng lại như thế, vào các đại tam muội

như vậy, tu hạnh của Bồ Tát tu, mưa đại pháp vũ, đánh trống pháp lớn, thổi loa pháp lớn, chuyển đại pháp luân, giáo hoá tất cả chúng sinh. Cho đến hay khiến cho tất cả chúng sinh rốt ráo đắc được pháp thanh tịnh, lìa khỏi pháp nhiễm ô, tức cũng là đắc được giới định tuệ ba học, lìa khỏi tham sân si ba độc, khiến cho tất cả chúng sinh rốt ráo được Niết Bàn, tức cũng là không sinh không diệt, đắc được thường, lạc, ngã, tịnh, bốn đức. Khiến cho tất cả chúng sinh rốt ráo được an ổn, chẳng có mọi phiền não. Khiến cho tất cả chúng sinh rốt ráo đến được bờ bên kia, chẳng còn thọ khổ trong luân hồi. Khiến cho tất cả chúng sinh rốt ráo được hoan hỉ. Khiến cho tất cả chúng sinh rốt ráo dứt được nghi. Bồ Tát vì hết thảy chúng sinh làm ruộng phước rốt ráo, khiến cho tất cả chúng sinh chẳng chấp tướng bố thí, chẳng chấp tướng thọ, đều được thanh tịnh. Khiến cho tất cả chúng sinh đều trụ nơi giác đạo A nậu đa la tam miệu tam bồ đề. Khiến cho tất cả chúng sinh đồng được trí nhất thiết trí. Khiến cho tất cả chúng sinh đều được thoát khỏi nhà lửa ba cõi. Khiến cho tất cả chúng sinh đều được trí tuệ rốt ráo. Khiến cho tất cả chúng sinh đều được pháp yếu rốt ráo của chư Phật. Đặt để chúng sinh nơi nhất thiết trí. Tại sao phải như vậy?

Vì đại Bồ Tát thành tựu pháp này, trí tuệ đã sáng tỏ, mà vào môn pháp giới, cho nên hay thanh tịnh vô lượng các hạnh không thể nghĩ bàn của Bồ Tát. Đó là: Hay thanh tịnh nhất thiết trí, vì cầu được nhất thiết trí tuệ. Hay thanh tịnh tất cả chúng sinh, vì khiến cho chúng sinh cang cường bị điều phục. Hay tịnh tất cả cõi nước, vì thường hồi hướng công đức, cầu trang nghiêm cõi nước thanh tịnh. Hay thanh tịnh tất cả các pháp, vì khắp biết rõ. Hay thanh tịnh không sợ, vì có đức hạnh, cho nên chẳng khiếp sợ. Hay thanh tịnh vô ngại biện, vì khéo léo diễn nói tất cả các pháp. Hay thanh tịnh đà la ni, vì trong tất cả pháp được tự tại. Hay thanh tịnh hạnh gần gũi chư Phật, vì thường thấy tất cả chư Phật xuất hiện ra đời.

Khi đại Bồ Tát trụ tam muội vô ngại luân, đắc được trăm ngàn ức na do tha bất khả, bất khả thuyết công đức thanh tịnh như vậy. Bồ Tát đối với tam muội này, đắc được mười thứ lực. Những gì là mười?

1. Vì đắc được cảnh giới tam muội nhậm vận tự tại

2. Vì được tất cả chư Phật gia bị

3. Vì nhờ sức căn lành thuở xưa của mình mà ra

4. Vì vào bậc trí tuệ có đại oai lực

5. Vì nhờ sức các thiện tri thức dẫn đường

6. Vì sức hàng phục tất cả các ma

7. Vì sức đồng phận căn lành thuần tịnh

8. Vì sức thệ nguyện ưa thích rộng lớn

9. Vì sức trồng căn lành thành tựu

10. Vì sức vô đối của phước vô tận vượt qua các thế gian

Vì trong quá khứ chúng ta chẳng giữ năm giới, chẳng làm mười điều lành, cho nên chẳng có căn lành. Đời này muốn phát bồ đề tâm, nhưng ma lại đến nhiễu loạn. Vậy, phải làm bằng cách nào? Hãy mau sám hối sửa lỗi làm con người mới, tâm bình khí hoà, sửa lỗi triệt để, làm mới triệt để. Tu hành phải chân đạp xuống đất, không thể xen tạp thành phần hư nguỵ ở trong tâm. Tu đạo tức là tu thành thật, do đó: "Tâm thành tức linh", tâm thành đến cực điểm thì sẽ có cảm ứng.

Pháp môn thì vô lượng, thử hỏi mình học chưa? Nếu chưa học, thì hãy mau học. Nếu đã học rồi, thì càng phải học cho nhiều. Phải dũng mãnh tinh tấn, siêng học Phật pháp, thì tương lai có thể trợ giúp Phật hoằng pháp, hoàn thành nhiệm vụ là Phật giáo đồ. Bằng không, "Thư đáo dụng thời phương hận thiếu", đến lúc dùng, hậu hối cũng không kịp. "Sự phi kinh quá bất tri nan". Nghe người ta giảng kinh thuyết pháp, cảm thấy rất dễ dàng. Song, khi mình giảng thì mới biết mùi vị của nó chẳng đơn giản, phải trải qua một phen công phu khổ cực, thì mới được thắng lợi. Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành: Lời nguyện này phải nương vào công phu thật để thành tựu, chẳng phải nói suông, mà là thực hành. Nói mà làm không được, thì vĩnh viễn không thể thành đạo. Tự mình hỏi mình Phật đạo đã thành chưa? Nếu chưa thành, thì hãy mau y pháp tu hành, tương lai nhất định sẽ thành Phật đạo. Bốn hoằng thệ nguyện này, các vị phải ghi nhớ mà thực hành, đừng cô phụ mục đích mỗi ngày đến nghe kinh. Nghe kinh là vì khai ngộ, khai ngộ mới có thể thành Phật, cho nên nói Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành.

Khi đại Bồ Tát trụ tam muội vô ngại luân, đắc được mười pháp, đồng với tất cả chư Phật đời quá khứ, đời vị lai, đời hiện tại. Những gì là mười? Đó là:

1. Bồ Tát đắc được 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp, đủ thứ sự trang nghiêm, đồng với chư Phật

2. Bồ Tát hay phóng lưới đại quang minh thanh tịnh ở trong hư không, đồng với chư Phật

3. Bồ Tát dùng thần thông biến hoá để điều phục tất cả chúng sinh, đồng với chư Phật

4. Bồ Tát có vô biên sắc thân và viên âm thanh tịnh, đồng với chư Phật. Phật có tám âm: Âm cực tốt. Âm nhẹ nhàng. Âm hài hoà. Âm êm tai. Âm chẳng phải người nữ. Âm chẳng lầm. Âm sâu xa. Âm chẳng hết được

5. Bồ Tát tuỳ nghiệp của chúng sinh tạo ra, mà hiện cõi Phật thanh tịnh, đồng với chư Phật

6. Bồ Tát đối với hết thảy lời lẽ của tất cả chúng sinh, như phi cầm có lời lẽ của phi cầm, tẩu thú có lời lẽ của tẩu thú, cá rùa có lời lẽ của cá rùa, côn trùng có lời lẽ của côn trùng. Tóm lại, phi tiềm động thực, đều có lời lẽ của chúng. Tất cả lời lẽ Bồ Tát đều nhiếp trì, không quên không mất, đồng với chư Phật

7. Biện tài của Bồ Tát như nước sông lớn chảy, thao thao bất tuyệt, chẳng có khi nào cùng tận. Bồ Tát có trí tuệ phương tiện khéo léo, tuỳ thuận tâm niệm của chúng sinh, mà thường chuyển đại pháp luân, khiến cho chúng sinh đắc được trí tuệ, đồng với chư Phật

8. Bồ Tát có oai lực của đại sư tử hống, trong Chứng Đạo Ca có nói: "Sư tử hống, vô uý thuyết. Bách thú văn chi giai não liệt, Hương tượng bôn ba thất cước uy, Thiên long tịch thính sinh hân duyệt", Chẳng có khi nào khiếp sợ. Dùng vô lượng pháp môn, để khai ngộ tất cả chúng sinh, khiến cho chúng sinh bỏ mê về giác, bỏ tà theo chính, thân tâm kiện khang, tư tưởng thuần chính, đồng với chư Phật

9. Bồ Tát trong khoảng một niệm, dùng đại oai thần thông lực vào khắp cảnh giới ba đời vô ngại, đồng với chư Phật

10. Bồ Tát khắp hiển bày cho tất cả chúng sinh, biết sự trang nghiêm của chư Phật, oai lực của chư Phật, cảnh giới của chư Phật, tất cả tất cả đồng với chư Phật, chẳng có gì khác biệt

Lời kết

Bộ Luận Kinh Hoa Nghiêm Đại Phương Quảng Phật được giảng giải bởi Hòa thượng Tuyên Hóa, Việt dịch Tỳ Kheo Thích Minh Định, gồm có 25 quyển. Bài viết này là những ý chính, cô đọng nhất của quyển 17.

Tác giả: Phạm Tuấn Minh

Tài liệu: Kinh Hoa Nghiêm Đại Phương Quảng Phật, Hòa thượng Tuyên Hóa, Hán dịch: Sa môn Thật Xoa Nan Đà, Việt dịch Tỳ Kheo Thích Minh Định, Chùa Kim Quang.